

ĐẶC TRUNG CỦA ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

*Chu Thị Trang Vân**

Áp dụng pháp luật (ADPL) là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý được sử dụng nhiều trong lý luận cũng như trong thực tiễn. Theo cách hiểu thông thường, người ta thường đồng nhất ADPL với thực hiện pháp luật bởi xét về mặt thuật ngữ, *ADPL dường như đã là một hoạt động, một quá trình tách ra khỏi hoạt động xây dựng pháp luật và gắn với việc giải quyết các yêu cầu thực tế.* Mặc dù quan niệm về ADPL có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung đều thống nhất cho rằng ADPL và xây dựng pháp luật (XDPL) là hai quá trình độc lập với nhau, trong đó, *ADPL là một hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt, là một hoạt động, một quá trình cá biệt hoá những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các chủ thể pháp luật cụ thể và mang tính tổ chức - quyền lực do Nhà nước thông qua những thiết chế để thực hiện.* Bài viết này bước đầu tìm hiểu những đặc trưng của ADPL hình sự, một hình thức để chuyển hoá trách nhiệm hình sự vào thực tiễn.

1. Những đặc trưng mang tính lịch sử của ADPL hình sự

Trong hệ thống pháp luật, tính chất nghiêm khắc của pháp luật hình sự (PLHS) là đặc trưng không cần phải bàn cãi. Kế thừa và bảo tồn gần như nguyên vẹn các giá trị và truyền thống lịch sử lâu đời của việc quy định các mô hình pháp lý về tội phạm và hình phạt, Luật hình sự (LHS) từ lâu vẫn là biểu tượng uy nghiêm nhất về quyền lực và các giá trị tối cao của pháp luật như những khuôn mẫu không thể vượt qua. Tiềm tàng trong các quy định của PLHS là khả năng rõ ràng về những hậu quả pháp lý rất

nặng nề, đến mức có thể làm thay đổi toàn bộ cấu trúc các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể là đối tượng áp dụng của nó. Trên khía cạnh lịch sử, hoạt động ADPL hình sự có những đặc trưng chủ yếu như sau:

- ADPL được coi là quá trình độc lập với XDPL, diễn ra sau quá trình XDPL để chuyển hoá các mô hình pháp lý của pháp luật vào các trường hợp cụ thể và đối với chủ thể cụ thể. Tuy nhiên, việc ADPL hình sự thừa ban đầu không đơn giản và không có sự tách bạch rõ ràng như vậy. Ở những hệ thống pháp luật đầu tiên xuất hiện trên thế giới, việc XDPL và ADPL hình sự có sự đan xen, không tách rời nhau, thậm chí có khi việc ADPL hình sự còn diễn ra trước khi có LHS thành văn và đóng vai trò như là nguồn quan trọng của LHS. Ở Lưỡng Hà, Bộ luật Hammurabi nổi tiếng có nguồn chính từ những pháp điển của người Sumer, những quyết định của vua Hammurabi cũng như các phán quyết của tòa án lúc bấy giờ¹. Điều này hoàn toàn trùng hợp với các dữ liệu lịch sử khác về “*thời kỳ triều đại sớm*” bắt đầu từ khoảng 3500 năm đến 3000 năm TCN². Trong vùng đất của hai con sông (sông Tigris và Euphrates) công tác trị thủy để hạn chế các trận lụt thường xuyên xảy ra đã làm cho cư dân Lưỡng Hà một mặt đã sớm biết tổ chức thành một cộng đồng chặt chẽ, mặt khác đã đạt được những thành tựu quan trọng về kỹ thuật. Đây cũng là thời kỳ phát minh ra bánh xe và kiểu chữ viết sớm nhất trong lịch sử. Cư dân ở đây được gọi là người Sumer – gọi theo tên cổ của vùng đất

¹ Trường ĐH TH Hà Nội, Khoa Luật (1993), Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới. Hà Nội, tr. 30.

² Đỗ Đức Thịnh (Stru tằm và biên soạn) (2001), Phác thảo lịch sử nhân loại. NXB Thế giới, tr. 14.

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

phía nam Babylonia³. Mỗi thành phố của người Sumer đều là một Nhà nước và thường xuyên giao tranh với nhau để tranh giành đất đai và quyền lực. Trong bối cảnh đó, các pháp điển mang tính hình sự của người Sumer đã được hình thành và phát triển để phục vụ cho việc cai trị của các Nhà nước trong các Quốc gia – Thành phố.

Đến khi vua Hammurabi cai trị vương quốc Babylonia cổ đại, các pháp điển này vẫn tiếp tục được sử dụng để điều chỉnh xã hội. Như vậy, trước khi có Bộ luật Hammurabi, việc áp dụng các biện pháp hình sự đã được tiến hành mặc dù có thể chưa có LHS thành văn, và đồng thời chính thực tiễn ADPL của nhà vua và các phán quan sau này đã trở thành nguồn quan trọng của pháp luật. Ở Trung Quốc hay ở Việt Nam, hình pháp nhà Chu thế kỷ 12 TCN hay chính sách hình sự đầu tiên thời kỳ Ngô, Đinh, tiền Lê thế kỷ 10 cũng không được biết đến một cách chắc chắn như là các đạo luật thành văn mà vẫn thường được hiểu là việc ADPL hay áp dụng các biện pháp trừng phạt đặc trưng của hình luật⁴. ADPL hình sự cũng chính là PLHS hay nói cách khác PLHS chỉ được nhìn thấy thông qua hoạt động ADPL là đặc trưng cơ bản của hoạt động ADPL hình sự thời kỳ đầu.

- Bên cạnh đó, thủ tục hay các trình tự về việc ADPL hình sự lúc đầu cũng ít được các nhà nước quan tâm. Sự xuất hiện của thủ tục trong những quy định của pháp luật trong lịch sử không gắn liền với sự ra đời của pháp luật. Những đạo luật đầu tiên xuất hiện trên thế giới ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc và Ấn Độ không có khái niệm gì về thủ tục. Trong suốt một thời gian dài, pháp luật đã chỉ quan tâm đến việc thể hiện thái độ của Nhà nước đối với những tiến

trình xã hội để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và giai cấp thống trị mà không quan tâm đến bản thân tiến trình chuyển hoá của pháp luật vào việc điều chỉnh những quan hệ xã hội. Việc triển khai pháp luật được tiến hành phụ thuộc vào *sự sáng tạo* của những người có quyền và điều này đã dẫn đến sự tùy tiện trong việc thực hiện và áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện pháp luật trong điều kiện không có những quy định về thủ tục vẫn sàng lọc và đúc rút ra những tập quán về thủ tục mà những thành tựu đầu tiên được ghi nhận là những tập quán về thủ tục trong việc xét xử của những quan tòa tồn tại dưới hình thức là những *lễ nghi* bắt buộc. Những thủ tục tồn tại dưới dạng tập quán rất dễ bị xâm phạm bởi những chủ thể có thẩm quyền và những xâm phạm này hoàn toàn có khả năng bóp méo việc chuyển hoá pháp luật vào đời sống xã hội. Giai cấp tư sản đã nhận thức được tầm quan trọng của thủ tục và hiểm họa việc xâm phạm thủ tục nếu những thủ tục này không được thể chế hoá thành pháp luật. Sự ra đời của những quy phạm pháp luật quy định về trình tự thực hiện và áp dụng pháp luật đã dẫn đến việc phát triển những khái niệm mới về pháp luật trong khoa học pháp lý. Pháp luật được phân chia thành hai loại khác nhau: loại thứ nhất là pháp luật nội dung (hay còn gọi là luật vật chất) và loại thứ hai là pháp luật thủ tục (hay còn gọi là luật hình thức).

Khái niệm thủ tục trong khoa học pháp lý thông thường được sử dụng ở khía cạnh thực hiện những quy định của pháp luật nội dung. Nói cách khác, pháp luật về nội dung phải được thực hiện thông qua pháp luật về thủ tục và việc thực hiện pháp luật nội dung ngoài pháp luật thủ tục là điều hoàn toàn xa lạ với thực tiễn pháp lý hiện đại. Mác đã nói, "*thủ tục là hình thức sống của đạo luật và luật vật chất có hình thức thủ tục riêng của nó*". Như vậy, thủ tục được hiểu là trình tự thực hiện những hoạt động nhất định

³ Đỗ Đức Thịnh (Sưu tầm và biên soạn) (2001). Phác thảo...Sđd, tr. 14.

⁴ Đinh Gia Trinh (1968). Sơ thảo lịch sử Nhà nước và Pháp quyền Việt Nam (Tập I), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 95-97.

nhằm đạt tới những hệ quả pháp lý dự kiến của pháp luật nội dung. Những quy định pháp luật về thủ tục chi phối việc thực hiện toàn bộ hệ thống pháp luật vật chất và thông qua đó chi phối hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Do hoạt động của các cơ quan Nhà nước khác nhau có phạm vi khác nhau nên trong mỗi lĩnh vực, pháp luật về thủ tục có định tính riêng biệt. Trong lĩnh vực tư pháp xét xử, những thủ tục này được gọi là thủ tục tố tụng.

- Bản chất của việc ADPL hình sự được quy định bởi nội dung của PLHS. Nếu như PLHS là việc quy định mô hình pháp lý về “tội phạm” và “hình phạt” thì việc ADPL hình sự chính là đưa những mô hình đó vào đời sống hiện thực. Tội phạm và hình phạt bị quy định bởi những yếu tố kinh tế – xã hội nhưng trước khi có các đạo luật HS thành văn, các Nhà nước đã sử dụng trực tiếp các truyền thống, tập tục và các giá trị tôn giáo về “tội lỗi” và sự “trừng phạt”. Điều này dẫn đến hệ quả là việc ADPL hình sự lúc đầu chủ yếu nhằm vào lỗi của người phạm tội và trừng phạt cả về mặt tư tưởng. Tội phạm không chỉ là hành vi, tội phạm có thể là tư tưởng và lỗi là yếu tố quan trọng nhất để ADPL hình sự đối với tội phạm. Chính vì vậy, trong việc áp dụng các đạo luật HS được hình thành ngay sau đó, người ta chỉ quan tâm đến tính có lỗi của hành vi (lỗi được đồng nhất với hành vi, có hành vi là có lỗi) còn bản thân hành vi thì không được xem là có ý nghĩa đáng kể. Trong con mắt của các phán quan dưới thời vua Hammurabi hay của các quan toà nắm giữ trong tay những luật lệ về hình sự được xây dựng phỏng theo thập giới, việc trộm cắp vật cũng giống như trộm cắp lớn, việc giết một người cũng không khác lắm so với giết nhiều người, và bất kể phương thức và thủ đoạn thực hiện các tội phạm đó như thế nào thì người phạm tội đều phải chịu chung một hình phạt. Việc ADPL hình sự như vậy rõ ràng là hoàn toàn xa lạ so với ngày nay.

Sự phát triển của lịch sử và những tiến bộ trong nhận thức của con người đã dần dần dẫn đến sự thoát ly của tôn giáo khỏi pháp luật. “Tội phạm” và “Hình phạt” được hiểu đúng theo bản chất thực sự của nó mà không bị lệ thuộc hay che đậy bởi những giáo điều tôn giáo như trước. “Tội phạm” và “Hình phạt” bị quy định bởi những nguyên nhân kinh tế – xã hội, là những hiện tượng mang tính lịch sử và tính giai cấp sâu sắc. Tội phạm là hành vi và chỉ có thể là hành vi. Tội phạm không phải là tư tưởng “*kể cả tư tưởng tôn giáo, miễn là sự phát biểu tư tưởng ấy không làm rối trật tự công cộng mà pháp luật đã lập nên*”⁵. Ý nghĩa triết lý của “Tội phạm” và “Hình phạt” không phải là luân lý về bốn phạm của con người trước Thượng Đế mà được thể hiện trong mối quan hệ giữa “Tự do” và “Trách nhiệm”. Khả năng lựa chọn là đặc tính và là bộ phận cấu thành quan trọng của tự do. Nếu con người có tự do thì nó phải có khả năng lựa chọn giữa các khách thể hành động, các phương thức hành động và các kết quả đạt tới⁶. Tự do hoàn toàn không phải là “Tự tiện”. Tự tiện là cái đối lập với tự do, là sự không tự do hoàn toàn ở bên trong và bên ngoài, là sự phá vỡ khuôn khổ kinh tế, văn hoá và cuối cùng là pháp lý của tự do, là sự tự do mù quáng tất yếu sinh ra sự phản kháng, đàn áp về hình sự. Thực chất ý chí của chủ thể và sự tự tiện là đồng nhất với nhau. Để trở thành tự do, ý chí cần được đưa vào khuôn khổ của pháp luật được hình thành bởi sự quy định về kinh tế và sự tiếp nối về văn hoá⁷. Con người chỉ chịu trách nhiệm về hành vi của mình khi có lỗi. Lỗi có mặt khi con người ý thức hay tự giác cho phép có các hậu quả về hành vi của mình.

⁵ Điều 10 Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền Pháp 1789

⁶ E.E.Nexmeyanov (2004), Trường Đại học quốc gia Lômonôxốp, Triết học – Hỏi & Đáp, NXB Đà Nẵng, tr. 245.

⁷ E.E.Nexmeyanov (2004), Sđd, tr. 244.

Chỉ có thể nói đến lỗi trong trường hợp nếu hành vi của con người là hành vi tự do. Không tính đến các chuẩn tắc văn hoá, nếu con người tạo ra sự tự tiện, nếu nó không tiếp nhận “Tự do” hay khước từ chúng với cái có là số phận của nó đã định trước, nếu nó khước từ sự nhận thức và sử dụng các xu hướng vận động một cách tự phát và tự nhiên, nếu nó thay thế tri thức bằng ảo tưởng, thì nó xứng đáng phải chịu hoàn toàn “trách nhiệm” về mọi hậu quả nảy sinh. Con người “Tự do” không có tình trạng ngoại phạm⁸.

Với những nhận thức như vậy, nếu không tính những giá trị mang tính giai cấp, việc ADPL hình sự thuần túy dưới góc độ pháp lý là sự xem xét một cách hệ thống cả mặt bên trong và mặt bên ngoài của tội phạm, tức là cả trên phương diện hành vi và trên phương diện lỗi của người phạm tội. Đây là hai yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc ADPL hình sự trước khi người ta biết hay có thể phân tích tội phạm thành những “yếu tố cấu thành” phức tạp hơn.

2. Những đặc trưng cơ bản của ADPL hình sự Việt Nam

Ngày nay, PLHS và đặc biệt là việc ADPL hình sự vẫn được xem là nơi thể hiện một cách tập trung nhất sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước. Trong hệ thống pháp luật, PLHS là bộ phận chủ yếu tạo nên sự khác biệt căn bản giữa hệ thống các quy tắc xử sự của pháp luật với các quy tắc đạo đức hay các quy phạm xã hội khác, là sự bảo đảm việc thực hiện một cách tuyệt đối ý chí của Nhà nước khi đã được “đề lên thành luật”. Bên cạnh những đặc trưng chủ yếu được thể hiện trong quá trình lịch sử như đã nêu trên, việc ADPL hình sự còn có những đặc trưng riêng do những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể quy định. Trong một số hệ thống pháp luật đương đại, hoạt động ADPL hình sự vẫn tiếp tục được xem như là

nguồn quan trọng của PLHS. Những phán quyết của các quan toà khi được hệ thống hoá theo một trình tự xác định sẽ trở thành án lệ, mang tính quy phạm và sẽ tiếp tục được áp dụng trong các trường hợp tương tự khác. Trong khi đó, ở những hệ thống pháp luật khác, ADPL hình sự lại không phải là nguồn của PLHS. Những phán quyết của toà án trong những trường hợp cụ thể chỉ có giá trị pháp lý đối với chính trường hợp cụ thể đó mà không trở thành quy phạm để áp dụng tương tự cho các trường hợp khác.

Ở Việt Nam, hoạt động ADPL hình sự có những đặc trưng chủ yếu sau đây:

- *ADPL hình sự là hình thức duy nhất để thực hiện PLHS khi phát sinh quan hệ pháp luật hình sự (QHPLHS).*

Về bản chất, các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể trong lĩnh vực hình sự không tự nhiên phát sinh hoặc không tự nhiên được thừa nhận hay thực hiện nếu thiếu sự can thiệp nhà nước. Là công cụ quyền lực nghiêm khắc nhất của nhà nước, PLHS không thể tự mình chuyển hoá vào đời sống hiện thực để trở thành các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể có liên quan. Việc thực hiện PLHS luôn gắn liền với vai trò của Nhà nước, lúc đầu là của các thủ lĩnh hay nhà vua, sau đó dần dần được chuyển giao cho các quan toà và cuối cùng được chia nhỏ nữa cho các cơ quan chuyên biệt thực hiện chức năng điều tra hay công tố. Điều đó mang đến ý nghĩa là việc thực hiện PLHS chỉ có thể thông qua hình thức ADPL.

Nhìn tổng thể, PLHS ngày nay chỉ quy định về tội phạm và hình phạt nhưng điều đó cũng cho thấy về thực chất PLHS là các quy phạm cấm. Ngay từ khi còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của những luân lý tôn giáo, khi mà vương quyền và quyền lực nhà nước được đồng nhất với thần quyền thì PLHS đã là sự thể hiện về mặt pháp lý những lời răn của Thượng Đế và Chúa Trời về các bổn phận của con người và được nhà nước bảo

⁸ E.E.Nexmeyanov (2004), Sdd, trang 246.

đảm thực hiện. Việc áp dụng các hình phạt nghiêm khắc đối với những hành vi trái với bốn phạm thiên liêng của con người đối với Thượng Đế chẳng qua chỉ là cách thể hiện khác của sự cấm đoán đối với chính các hành vi đó. Ngày nay, nhận thức về PLHS đã thay đổi. Ngoại trừ một vài biệt lệ, những luân lý tôn giáo về PLHS đã nhường chỗ cho những nhận thức khoa học và mang tính triết lý. Nhưng cũng tương tự như trước đây, việc quy định về tội phạm cũng chỉ là cách thể hiện khác của sự cấm đoán của nhà nước đối với những hành vi bị coi là tội phạm và hình phạt làm cho sự cấm đoán ấy trở thành nghiêm khắc. Như vậy, nếu hiểu PLHS theo nghĩa là các quy phạm cấm thì việc thực hiện PLHS còn có thể thông qua hình thức tuân thủ pháp luật.

Tuy nhiên khi đã phát sinh QHPLHS thì việc thực hiện PLHS không đơn giản như trước. QHPLHS phát sinh ngay từ khi hành vi phạm tội được thực hiện mà không phụ thuộc vào việc hành vi đó đã bị phát hiện hay bị đưa xét xử hay chưa. Đó hoàn toàn không đơn giản là quan hệ giữa kẻ phạm tội với người bị hại mà đó là quan hệ giữa nhà nước với người đã thực hiện hành vi mà nhà nước coi là tội phạm và quy định trong PLHS. Khi đó, các mô hình pháp lý của PLHS ngay lập tức có khuynh hướng phải được chuyển hoá vào QHPLHS để cụ thể hoá thành các quyền và nghĩa vụ pháp lý thông qua việc xác định tội phạm và hình phạt. Trong trường hợp này, việc thực hiện PLHS rõ ràng chỉ có thể thông qua hình thức ADPL với sự can thiệp của nhà nước. Nói cách khác, khi đã phát sinh QHPLHS thì ADPL là hình thức duy nhất để thực hiện PLHS. Người phạm tội không thể tự mình đi đến trước vành móng ngựa để nhận tội và chịu hình phạt bởi lẽ nếu không có hoạt động ADPL hình sự sẽ không có vành móng ngựa, cũng không có ai xác định họ đã phạm vào tội gì và mức hình phạt là như thế nào. Ngoài sự ăn năn hay sự cắn rứt lương

tâm nếu có xuất phát từ những chuẩn mực và giá trị đạo đức, PLHS vẫn chỉ là những mô hình tĩn tại, mang tính răn đe về những hậu quả rất to lớn có thể xảy ra. Hoạt động ADPL hình sự của các cơ quan công quyền chuyên biệt khi đó là hình thức duy nhất để đưa PLHS vào cuộc sống. Đặc trưng này tạo ra sự khác biệt căn bản giữa việc ADPL hình sự với việc ADPL trong các lĩnh vực pháp luật tư như kinh tế hay dân sự. Khi phát sinh các QHPL trong các lĩnh vực này, các chủ thể hoàn toàn có khả năng tự thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình. Các giao dịch dân sự trong cuộc sống hàng ngày, các hợp đồng được ký kết để thực hiện các công việc kinh doanh, các thoả ước lao động được thiết lập... vẫn được người ta thực hiện mà không cần đến hoạt động ADPL của Nhà nước.

- Việc ADPL hình sự chỉ diễn ra theo quy định của pháp luật, không thể tự ý thay đổi hay chấm dứt theo ý chí của bất kỳ ai, trừ trường hợp pháp luật đã quy định trước một cách rõ ràng.

Chủ thể ADPL là chủ thể có thẩm quyền, là đại diện cụ thể cho tính tối cao của Quyền lực Nhà nước. Về nguyên tắc, các chủ thể này thực hiện việc ADPL một cách đơn phương, không bị phụ thuộc vào ý chí của đối tượng bị ADPL⁹. Tuy nhiên, khi phát sinh QHPL hình sự, việc ADPL hình sự không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của các chủ thể ADPL. Mặc dù là các chủ thể có thẩm quyền nhưng các chủ thể ADPL không nhân danh ý chí chủ quan của mình mà nhân danh ý chí của nhà nước đã được quy định trong pháp luật. Trong mối quan hệ này, pháp luật mang tính khách quan ngay cả đối với những chủ thể có thẩm quyền áp dụng nó. Đối diện với một phạm trù về nghĩa vụ và mang tính khách quan,

⁹ Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên) (2003), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 353.

quyền của chủ thể ADPL hình sự dường như đã bị giới hạn đến mức tối thiểu. Các chủ thể này chỉ có một quyền duy nhất – không được lựa chọn – là nghĩa vụ phải chuyển hoá một cách chính xác các quy định của PLHS vào từng QHPLHS cụ thể. Các chủ thể ADPL hình sự cũng không được thay đổi hay chấm dứt việc ADPL theo ý chí của mình hay của bất kỳ ai, ngoại trừ các trường hợp đã được quy định rõ trong pháp luật.

Đặc trưng này hoàn toàn đối lập với những gì diễn ra trong việc ADPL thuộc các lĩnh vực tư như kinh tế hay dân sự. Trong các lĩnh vực này, ý chí chủ quan của các chủ thể có vai trò quan trọng, quyết định đến việc ADPL. Về nguyên tắc, việc ADPL trong các lĩnh vực kinh tế hay dân sự được thực hiện theo yêu cầu của các chủ thể trong các QHPL kinh tế hay dân sự. Thậm chí ngay cả khi có tranh chấp đã đưa ra toà án để nhờ đến sự can thiệp của nhà nước, các chủ thể vẫn có thể chấm dứt việc tranh chấp bất cứ lúc nào để tự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình mà không cần đến hoạt động ADPL của Nhà nước.

- ADPL hình sự luôn tồn tại trong một thể thống nhất, không thể tách rời với không ADPL hình sự.

Trong khung cảnh pháp lý chung của PLHS, mục tiêu đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm là mục tiêu quan trọng. Nó được nhấn mạnh đến mức làm cho người ta có cảm tưởng rằng PLHS chỉ thuần tuý là công cụ của Nhà nước nhằm trừng trị những kẻ phạm tội, đã xâm phạm đến những lợi ích, những quan hệ xã hội cũng như những giá trị cao quý, bền vững và ổn định nhất được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật. Trong luật thực định, phần lớn các nội dung được quy định đều hướng tới việc giải quyết các mối quan hệ xã hội phức tạp nhằm đưa người phạm tội ra trước vành móng ngựa, xét xử, kết án và áp dụng các dạng thức khác nhau của trách nhiệm hình sự. Sự nhấn mạnh một cách tự nhiên này dường như đã

làm lu mờ phần nào vấn đề không ADPL hình sự. Tuy nhiên, PLHS rõ ràng không phải chỉ tồn tại như một công cụ để đấu tranh với tội phạm và để trừng phạt. Việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật còn mang những ý nghĩa nhân văn sâu sắc và trực tiếp hơn. Những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc mà BLHS quy định cũng như những trình tự tố tụng hướng dẫn cho việc chuyển hoá những mô hình pháp lý về tội phạm và hình phạt còn chứa đựng cả những yêu cầu tự thân về việc không ADPL hình sự đối với những trường hợp không có đủ cơ sở theo quy định của pháp luật. Không ADPL hình sự là trạng thái đối lập của ADPL hình sự và mô hình lý luận của nó được nhận diện nhờ vào các dấu hiệu sau đây:

Thứ nhất, không ADPL hình sự là việc không được ADPL hình sự hoặc không được căn cứ vào PLHS để định đoạt tư cách của chủ thể khi không có đủ các cơ sở pháp lý và thực tiễn theo quy định của pháp luật. Trong PLHS và tố tụng hình sự, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn được gọi chung bằng một khái niệm mang tính khái quát cao hơn – đó là “căn cứ”. Các căn cứ là ranh giới tồn tại giữa hai trạng thái ADPL. Có thể bắt gặp rất nhiều các quy định về căn cứ ADPL hình sự như căn cứ định tội, căn cứ quyết định hình phạt, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn... Với tư cách là luật về nội dung, toàn bộ PLHS đương nhiên được coi là căn cứ của việc ADPL hình sự. Tuy nhiên, việc xác định các căn cứ ADPL hình sự cũng đồng nghĩa với việc xác định các căn cứ của không ADPL hình sự bởi lẽ khi không có đủ các căn cứ này, hoạt động ADPL hình sự đương nhiên không thể diễn ra được.

Thứ hai, không ADPL hình sự là việc chấm dứt một phần hay toàn bộ việc ADPL hình sự cũng như quá trình ADPL hình sự đã hoặc đang làm thay đổi cấu trúc quyền và nghĩa vụ của chủ thể. ADPL hình sự thực

chất là một quá trình nhận thức của các chủ thể ADPL. Thuộc tính của nhận thức không phải bao giờ hoặc ngay lập tức cũng có thể tiếp cận ngay chân lý khách quan. Như vậy, hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp tại một thời điểm nào đó trong quá trình ADPL hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng nhận ra rằng một phần hay toàn bộ việc ADPL hình sự trước đó là không đúng, không đủ căn cứ hoặc không còn cần thiết nữa. Khi rơi vào các trường hợp này thì trách nhiệm phải chấm dứt ngay lập tức việc ADPL hình sự là không cần phải bàn cãi.

Thứ ba, không ADPL hình sự là việc khôi phục lại trạng thái ban đầu các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể hoặc phải bồi thường các thiệt hại nếu đó là hậu quả của việc ADPL hình sự không đúng do lỗi của các chủ thể ADPL hình sự. Trên lý thuyết, việc chấm dứt ADPL hình sự đã có thể tự nó khôi phục được một phần nào đó các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể đã bị thay đổi. Tuy nhiên, những trường hợp có thể tự khôi phục như trên là không nhiều bởi lẽ việc ADPL hình sự thường có khuynh hướng tạo ra những thay đổi rất sâu sắc. Trong trường hợp này, việc không ADPL hình sự rất ít có khả năng tự khôi phục mà chỉ có ý nghĩa là chấm dứt sự tác động đang làm thay đổi cấu trúc quyền và nghĩa vụ của chủ thể. Như vậy, khôi phục lại trạng thái ban đầu phải được xem là hành động tích cực của các chủ thể ADPL hình sự để trả lại những gì vốn thuộc về chủ thể. Tuy nhiên, không phải mọi thay đổi đều có thể khôi phục lại được. Phần lớn các trường hợp ADPL hình sự đều để lại những hậu quả pháp lý nhất định. Trong pháp luật, những hậu quả pháp lý thuộc loại này thường được gọi là thiệt hại. Tuy nhiên, không giống như các lĩnh vực pháp luật khác thiệt hại là cái có thể xảy ra, trong lĩnh vực hình sự, thiệt hại luôn là hậu quả thường trực của ADPL hình sự. Trước những thiệt hại của chủ thể

do việc ADPL hình sự đã tạo ra, việc không ADPL hình sự đương nhiên phải bao gồm cả việc xử lý một cách có trách nhiệm với các thiệt hại này. Nói cách khác là phải bồi thường thiệt hại cho chủ thể nếu việc ADPL hình sự không đúng là do lỗi của các chủ thể ADPL.

Kết luận

Những nghiên cứu bước đầu về đặc trưng của ADPL hình sự nói trên có thể đưa đến những nhận xét sau:

- Từ thừa ban đầu trong lịch sử của nhân loại, hoạt động ADPL hình sự không tách rời với hoạt động xây dựng pháp luật. PLHS được hiểu là việc áp dụng các biện pháp trừng phạt trên thực tế, thực chất là ADPL. Đến lượt mình, bản thân những gì mà ADPL hình sự đã diễn ra lại trở thành nguồn luật. Những thủ tục của việc ADPL hình sự còn mờ nhạt và chưa được quan tâm.

- Ngày nay, ADPL hình sự là hình thức duy nhất để thực hiện PLHS khi quan hệ PLHS được phát sinh, được diễn ra theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ do luật tố tụng quy định. Các chủ thể ADPL hình sự ra các phán quyết dựa trên căn cứ pháp lý được luật nội dung (BLHS) và luật hình thức (BLTTHS) quy định. Việc đánh giá các căn cứ đó để xác định có ADPL hình sự hay không được tiến hành đồng thời với việc không được ADPL hình sự khi không đủ căn cứ.

- ADPL hình sự dẫn đến những hậu quả pháp lý cho người phạm tội và các chủ thể có liên quan. Chủ thể ADPL phải xử lý một cách có trách nhiệm đối với những hậu quả bất lợi thực tế đã xảy do lỗi của chính mình (như áp dụng sai về luật nội dung cũng như về trình tự thủ tục...). Đây là cơ sở lý luận để pháp luật thực định hiện hành quy định về vấn đề bồi thường oan, sai do các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.